

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 9 - 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Uyên

2. Ông Lê Duy Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐ-TA ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã L, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 11, xã L, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, Hện Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) ngày 20/4/2021.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng thuận với nhau trong cuộc sống. Khi con còn nhỏ thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông H hay đánh đập bà. Ông H làm nghề thầu xây dựng, thu nhập khá nhưng không đưa tiền cho bà để lo cho con cái, gia đình mà mang tiền cho người khác vay nhưng không nói cho bà biết. Ông H còn có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, khi bà phát hiện thì mặc dù đã xin lỗi bà nhiều lần nhưng ông H vẫn không

thay đổi. Năm 2020, bà bị bệnh nặng nhưng ông H không quan tâm, không hỗ trợ tiền cho bà chữa bệnh. Trước đó vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, việc ai người này làm, tiền ai người này tiêu. Đến cuối tháng 6/2025, bà cHển ra ngoài ở riêng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Bà và ông H có 02 con chung là Hoàng Văn H – sinh năm 2002 và Hoàng Thị Hồng N – sinh năm 2004.

Các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà và ông H tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

*** Bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 20/4/2011. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có xảy ra cãi nhau. Trước đây ông có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nhưng chỉ là qua đường. Mỗi khi vợ chồng cãi nhau, bà T lại nhắc lại, day nghiến ông. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên không thể nói chuyện với nhau về tất cả các vấn đề của hai vợ chồng, về gia đình và kinh tế. Vợ chồng việc ai người này làm, tiền ai người này tiêu, không động chạm với nhau, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng không khác gì là ly thân với nhau. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông và bà T có 02 con chung là Hoàng Văn H – sinh năm 2002 và Hoàng Thị Hồng N – sinh năm 2004.

Các con chung đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông và bà T tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn H.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của vị Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Văn H. Ông H cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt; Bị đơn ông H vắng mặt 02 lần tại phiên toà. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

II. Nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, Hện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) ngày 20/4/2001 (số 32, quyển số 03). Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà T có nguyện vọng muốn ly hôn với ông H vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn. Ông H không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông H đều trình bày vợ chồng không có tiếng nói chung nên không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, việc ai người nấy làm, tiền ai người nấy tiêu. Ông H thừa nhận trước đây ông có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên mỗi khi vợ chồng cãi nhau, bà T lại nhắc lại, day nghiến ông. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không khác gì sống ly thân với nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Các con chung của bà T và ông H đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H đều trình bày tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn H. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông H chấm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00285061 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND KV 11 – ĐN;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THA dân sự tỉnh ĐN;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải